TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 12 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST – HNGĐ ngày 01/3/2024, giữa:

* Người yêu cầu: Anh Trần Văn K, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn 2, xã Tiến Th, huyện Lý NH, tỉnh Hà Nam.

* Người yêu cầu: Chị Trần Thị L, sinh năm 1976; nơi ĐKHKTT: Thôn 2, xã Tiến Th, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Tầng 1/5 số 168, đường Tam Dân Bắc, quận Dương Mai, thành phố Đào Viên, Đài Loan (Trung Quốc).

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận giữa anh Trần Văn K và chị Trần Thị L được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/3/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn K với chị Trần Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ki với chị Trần Thị L.

- Về con chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị L có 02 con chung là Trần Văn M, sinh ngày 11/10/1998 và Trần Hương Q, sinh ngày 02/01/2006. Khi ly hôn, anh K, chị L thống nhất: Cháu Trần Văn M, sinh năm 1998 và Trần Hương Q, sinh năm 2006 đã trên 18 tuổi, trưởng thành và tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về công nợ: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Trần Văn K mỗi người phải nộp 150.000 đồng (Một trăm lăm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận sự tự nguyện chị Trần Thị L nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng anh K không phải nộp. Đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí mà chị L đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo Biên lai số 0000026 ngày 01/3/2024.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã Tiến Th, huyện Lý Nh, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Công Đoàn